

Bản án số: 1052/2024/HC-PT

Ngày 19 tháng 9 năm 2024.

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Phạm Thị Duyên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 1153/2023/TLPT-HC ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 114/2023/HC-ST ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2994/2024/QĐPT-HC ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Trần Văn T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khu phố E, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 11/7/2022 - Xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Vũ Thụy Thanh H (có mặt).

- **Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Luật sư Đỗ Minh T1, Cộng tác viên của Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc Hội luật gia tỉnh B, (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Thanh T2 - Phó Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B, (có mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh S, chức vụ: Phó chủ tịch (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Bà Phạm Thị Minh H1 – Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (có mặt).

- Ông Nguyễn Xuân V, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Nhật T3, công chức địa chính; (theo Văn bản số 1153/UBND ngày 17/10/2023 của UBND phường P-vắng mặt).

2. Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

3. Ban Q1 (vắng mặt).

4. Bà Lê Thị Như H2, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu phố E, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (Theo hợp đồng ủy quyền số ngày 11/7/2022- Xin xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Người khởi kiện là ông Trần Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và quá trình tố tụng, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Vào những năm thập niên 1980-1982, cha mẹ của ông Trần Văn T là ông Trần Văn S1 và bà Nguyễn Thị B khai hoang một thửa đất khoảng 10ha đất nông nghiệp tại Khu phố E, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Ông bà trồng một số cây ngắn ngày như dưa, đậu đen, khoai mì...để làm nguồn kinh tế chính của gia đình. Sau đó, ông bà có trồng thêm cây điều và keo lá tràm nhưng không có hiệu quả kinh tế, cây chết nhưng đến nay một số cây vẫn còn tồn tại.

Năm 1997, ông Trần Văn T được cha mẹ cho lại hơn 06ha đất, ông phá bỏ những cây điều còn sót lại để trồng dưa hấu và đậu phụng. Năm 2005, ông trồng

thêm cây điều, keo lá tràm và bạch đàn, một phần đất còn lại ông trồng dưa hấu và đậu phụng. Tháng 7/2012, UBND tỉnh B tổ chức sự kiện hội thi khinh khí cầu và đã mượn đất của gia đình ông để tổ chức. Để có mặt bằng, Ban tổ chức sự kiện đã yêu cầu gia đình ông cho chặt một số cây và đề nghị được đền bù bằng tiền, gia đình ông đã đồng ý. Hiện nay, các gốc cây này vẫn còn trên đất. Ngày 01/8/2012, Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với UBND phường P đã lập biên bản đo đạc, kiểm tra tài sản trên đất của gia đình ông để thực hiện bồi thường. Trong biên bản thể hiện trên đất có cây điều, keo lá tràm, bạch đàn và hoa màu. Theo Kết luận giám định cây trồng ngày 24/8/2012 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh B, kết luận các cây trồng của ông T đã được trồng từ năm 2006 đến năm 2010.

Để đảm bảo tiến độ triển khai lễ hội, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh B đã yêu cầu Công ty TNHH D (là đơn vị tổ chức lễ hội) chi trả tiền bồi thường cho ông Trần Văn T với số tiền 17 triệu đồng (theo phiếu chi ngày 27/6/2014 của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh B).

Ngay sau khi Lễ hội khinh khí cầu kết thúc, gia đình ông T đã tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất này. Tuy nhiên, ngày 22/11/2013, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 946/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc ông T phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, giao lại khu đất có diện tích 61.541m² cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận quản lý. Không đồng ý với Quyết định này, ông Trần Văn T đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố P và Chủ tịch UBND tỉnh B.

Nay, ông Trần Văn T khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- + Hủy Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn của Trần Văn T khiếu nại Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND thành phố P (lần hai);

- + Hủy Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T (lần đầu);

- + Hủy Quyết định số 946/QĐ-KPHQ ngày 22/11/2013 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

** Quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh B đề nghị vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh B, Luật sư Đỗ Minh T1 trình bày:* Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T, ông T không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, quá trình sử dụng không kê khai, nộp thuế. Theo hồ sơ thì trên đất có cây đào được trồng năm 2007, tuy nhiên thời điểm này diện tích đất trên đã có quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của UBND tỉnh B về việc thu hồi đất giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận quản lý. Diện tích đất của ông T là đất rừng do Nhà nước quản lý.

** Theo văn bản số 8815/UBND-TH ngày 01/8/2018, người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố P trình bày:*

Phần diện tích đất ông Trần Văn T đang khởi kiện là diện tích đất nằm trong quy hoạch 03 loại rừng thuộc tiểu khu B trước đây, do Ban Q2 quản lý, trồng rừng keo lá tràm năm 1998 và rừng trồng keo lá tràm hỗn giao năm 1999. Năm 2004, Ban Q2 đã làm hồ sơ xin thanh lý rừng trồng bị chết và đã được UBND tỉnh thu hồi giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh tại Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 16/6/2006.

Trường hợp của hộ ông Trần Văn T do đã có hành vi chiếm đất do Nhà nước quản lý, cho nên UBND thành phố P đã ban hành Quyết định Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì ông T có đơn khiếu nại, UBND thành phố P đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đối với hộ ông T. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố P nên hộ ông T đã gửi đơn khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh.

Ngày 13/7/2017, UBND tỉnh B đã ban hành Quyết định số 1988/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với ông Trần Văn T. Tại Quyết định này, UBND tỉnh khẳng định việc UBND thành phố ban hành Quyết định Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định giải quyết khiếu nại là đúng quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường P trình bày:* Theo Công văn số 34 ngày 08/3/2010 của Ban Q2 thì diện tích đất trên do Nhà nước quản lý, phù hợp với kết quả hợp xét tính pháp lý của UBND phường P. Năm 1998, đất trồng keo lá tràm, năm 1999 chuyển sang rừng hỗn giao, năm 2004 thì thanh lý.

** Theo Văn bản số 4119/PTQĐ-QLQĐ ngày 23/10/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận trình bày:* Căn cứ theo Quyết định 1566/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của UBND tỉnh B về việc thu hồi và giao đất cho Q đầu tư hạ tầng và Phát triển quỹ đất Bình Thuận tại phường P, H, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Qua rà soát hồ sơ bồi thường thuộc dự án xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B thì hộ ông Trần Văn T không có quyết định thu hồi đất. Từ cơ sở trên, Trung tâm không có hồ sơ bồi thường cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận cũng như không có cơ sở để xác định diện tích đất của ông T khiếu kiện thuộc thửa đất nào.

** Theo Văn bản số 28/BQL-HP ngày 30/01/2019 và Văn bản số 245/BQL-HP ngày 15/7/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ban Q1 trình bày:*

Qua rà soát đối chiếu giữa tọa độ, bản đồ khu vực trị trí thửa đất hiện ông Trần Văn T đang khởi kiện với quy hoạch 03 loại rừng tại Quyết định 674/QĐ-UBND ngày 13/3/2007 và Quyết định số 2518/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh thì tại vị trí thửa đất ông Trần Văn T đang khởi kiện không nằm trong quy hoạch đất lâm nghiệp, đồng thời không thuộc sự quản lý của Ban Q1.

Tuy nhiên, qua đối chiếu với hồ sơ trước đây của Ban Q2 quản lý được chuyển giao sang khi sáp nhập (đầu năm 2015), theo quy hoạch đất lâm nghiệp tại

Quyết định 09/2001/QĐ-UBBT ngày 12/02/2001 của UBND tỉnh thì toàn bộ phần diện tích 61.806m² thuộc thửa đất số 5 hiện ông Trần Văn T đang khởi kiện nằm trong đất lâm nghiệp thuộc tiểu khu B do Ban Q2 quản lý. Theo Quyết định 674/QĐ-UBND ngày 13/3/2007 của UBND tỉnh thì toàn bộ phần diện tích đất lâm nghiệp của thửa đất số 5 đã điều chỉnh đưa ra quy hoạch 03 loại rừng.

Ban Q2 quản lý khu vực đất ông Trần Văn T khởi kiện kể từ năm 1999 đến năm 2006 thì chuyển giao lại cho Q đầu tư hạ tầng và Phát triển quỹ đất (nay là Trung tâm P) theo Quyết định 1566/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 của UBND tỉnh B. Thực tế trong quá trình quản lý, Ban Q2 có trồng rừng hỗn giao keo lá tràm và muồng vào năm 1999 trên khu vực này. Đến năm 2004, khu vực rừng trồng này đã được lập hồ sơ thanh lý rừng chết do nắng hạn.

Theo hồ sơ được Ban Q2 chuyển giao khi sáp nhập thì không có tài liệu nào liên quan đến việc lấn chiếm trên phần diện tích 61.806m² thuộc thửa đất số 5 nêu trên. Do đó, đơn vị không có cơ sở xác định thực tế ông T có lấn chiếm hay không.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 114/2023/HC-ST ngày 27/10/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận quyết định:

Căn cứ Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2, khoản 3 Điều 116, khoản 2 Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Luật tổ tụng hành chính; Khoản 1 Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, khoản 2 Điều 21, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 của Luật khiếu nại; Khoản 2 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T, về việc:

- Hủy Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn của Trần Văn T khiếu nại Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND thành phố P (lần hai);

- Hủy Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T (lần đầu);

- Hủy Quyết định số 946/QĐ-KPHQ ngày 22/11/2013 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/11/2023, ông Trần Văn T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo ông Trần Văn T (do bà Nguyễn Vũ Thụy Thanh H đại diện) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bảo lưu quan điểm đã trình bày ở cấp sơ thẩm; Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông

T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện bảo lưu quan điểm đã trình bày ở cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của ông Trần Văn T làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung:

[4] Xét tính hợp pháp đối với quyết định hành chính bị kiện:

[4.1] Đối với Quyết định số 946/QĐ-KPHQ ngày 22/11/2013 Chủ tịch UBND thành phố P:

[4.1.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định:

Ngày 22/11/2013, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 946/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Văn T là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

[4.1.2] Về nội dung của quyết định:

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/12/2018 và Mệnh lệnh lý thừa đất tại thừa đất số 01, tờ bản đồ số 4 (212461-6) của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B duyệt ngày 10/01/2019 xác định diện tích đất theo chỉ dẫn ông Trần Văn T là 61.806,4m². Ông T cho rằng nguồn gốc diện tích 61.541m² do cha mẹ ông khai hoang từ năm 1980-1982 đến năm 1997 để lại cho ông T canh tác, sử dụng. Tuy nhiên, ông T không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh về nguồn gốc đất, quá trình quản lý sử dụng, ông T cũng không có đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo Nghị định số 60/CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ.

Theo khiếu nại của ông T và các hộ dân liên quan khu đất thuộc dự án quy hoạch sử dụng đất hai bên đường ĐT 706B tại phường P; ngày 11/10/2012, Trung tâm K đã phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P, Ban Q2 và UBND phường P để tổ chức, kiểm tra, xác minh hiện trạng, vị trí đất của các hộ dân. Qua đối chiếu đo đạc theo sự dẫn của ông Trần Văn T với kết quả đo đạc, lập bản đồ hồ sơ của dự án quy hoạch và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT 706B thì tổng diện tích ông T khiếu nại là 61.541m² gồm 04 thửa, trong đó diện tích 33.368m² thuộc thửa số 1, tờ bản đồ số 1; diện tích 19.742m² thuộc thửa số 2, diện tích 3.720m² thuộc thửa 2B và diện tích 4.711m² thuộc thửa 2C, đều thuộc tờ bản đồ số 2. Vị trí, ranh giới sử dụng đất đo đạc tại thực địa theo sự chỉ dẫn của ông T thuộc đất do Nhà nước quản lý trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách theo Chương trình 327 tại tiểu khu B thuộc quyền quản lý của Ban Q2.

Theo Văn bản số 151/BQLRPHHP-KT ngày 12/7/2012 của Ban Q2 và Văn bản số 28/BQL-HP ngày 30/01/2019 của Ban Q1 xác định: Hiện trạng thừa đất ông Trần Văn T khởi kiện thuộc thửa đất số 05, diện tích 61.806m² nằm chồng lấn vào đất trồng rừng keo lá tràm năm 1998 và rừng trồng keo lá tràm hỗn giao năm 1999. Năm 2004, Ban Q2 có Báo cáo số 108 ngày 19/8/2004, về việc rừng trồng bị chết khô do tự nhiên và đề nghị thanh lý.

Ngày 16/6/2006 UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1566 về việc thu hồi đất và giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận để thực hiện quy hoạch sử dụng đất 02 bên đường ĐT 706B đoạn từ km7 + 436 đến km15 tại các phường P, H và xã T, thành phố P.

Đồng thời, theo kết quả chồng xếp diện tích đất của ông Trần Văn T được đo đạc thực tế theo Mệnh lệnh lý thừa đất của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B ngày 10/01/2019 vào bản đồ quy hoạch 03 loại rừng thuộc tiểu khu B do Ban Q2 quản lý theo Quyết định số 09/2001 ngày 12/02/2001 của UBND tỉnh B; toàn bộ diện tích đất ông T đang khởi kiện nằm hoàn toàn trong bản đồ được quy hoạch 03 loại rừng thuộc tiểu khu B.

Như vậy, toàn bộ diện tích đất ông T khởi kiện nêu trên là do Ban Q2 quản lý kể từ năm 1999 đến năm 2006 thì chuyển giao lại cho Q đầu tư hạ tầng và Phát triển quỹ đất (nay là Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận) quản lý đến nay.

Tại Bản Kết luận giám định ngày 24/8/2012 của Sở N, xác định tuổi cây trồng trên đất của hộ ông Trần Văn T như sau: Cây đào (mẫu 1, cây có đường kính 03cm, cao 01m) được trồng năm 2007, cây keo lá tràm (mẫu 1, cây có đường kính 04cm, cao 02m) được trồng năm 2006, cây bạch đàn (mẫu 1, đường kính 0,7cm, cao 01m) trồng năm 2010. Cho thấy, toàn bộ cây trồng trên đất được xác định do ông T trồng sau khi Nhà nước thanh lý trồng rừng là hành vi chiếm đất trái phép.

Việc Công ty TNHH D tổ chức hội thi kinh khí cầu vào tháng 9/2012, có sử dụng phần đất mà ông T lấn chiếm nêu trên và được bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất là quan hệ dân sự giữa Công ty D với ông T, không làm phát sinh quyền sử dụng đất của ông T.

Theo đó, do ông T có hành vi chiếm đất trái phép do Nhà nước quản lý tuy nhiên đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên ngày 22/11/2013 UBND thành phố P ban hành Quyết định 946/QĐ-KPHQ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông T khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm, giao lại diện tích 61.541 m² cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận quản lý là đúng quy định của pháp luật. Ông T khởi kiện yêu cầu hủy quyết định 946 là không có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Đối với Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Trần Văn T và Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của Trần Văn T:

Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định 373 về giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1988 về giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với ông Trần Văn T là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật khiếu nại.

Về thời hạn giải quyết khiếu nại đối với khiếu nại lần đầu và khiếu nại lần hai theo quy định tại Điều 28 và Điều 37 của Luật khiếu nại là chưa đảm bảo; Tuy nhiên vi phạm này không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết khiếu nại.

Về nội dung: Như đã phân tích tại mục [4.1] việc UBND thành phố P ban hành quyết định 946 về khắc phục hậu quả đối với ông T là đúng quy định của pháp luật, ông T khiếu nại quyết định 946 là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố P và Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành quyết định giải quyết có nội dung bác khiếu nại của ông T là đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Điều 18, Điều 21, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31; Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 của Luật khiếu nại; Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 114/2023/HC-ST ngày 27/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T, về việc:

- Hủy Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn của Trần Văn T khiếu nại Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND thành phố P (lần hai);

- Hủy Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn T (lần đầu);

- Hủy Quyết định số 946/QĐ-KPHQ ngày 22/11/2013 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000025 ngày 23/11/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự (7);
- Lưu VT (5), HS (2) 18b (BA- TMH).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Trinh

